QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

*(Phê duyệt tại Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000)*

### I. PHẠM VI RANH GIỚI, DIỆN TÍCH KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH:

- Vị trí:Khu vực lập quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Đại Ngãi thuộc xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Phạm vi, ranh giới khu đất:

+ Phía Đông giáp Quốc lộ 91B và một phần giáp Sông Hậu.

+ Phía Tây cách bờ kênh Bà Sẫm khoảng 65m.

+ Phía Nam giáp mép đường nông thôn dọc kênh Bao Biển.

+ Phía Bắc cách tim đường dự kiến nối với cầu Đại Ngãi khoảng 55m.

- Quy mô: Diện tích khu vực lập quy hoạch 196,30ha, bao gồm:

+ Diện tích thực hiện dự án khu công nghiệp Đại Ngãi 196 ha.

+ Đất hạ tầng đối ngoại 0,3 ha (bao gồm các diện tích đất tạ tầng đối ngoại 0,04ha và diện tích đất hạ tầng giao thông 0,26ha).

### II. VỊ TRÍ, RANH GIỚI, TÍNH CHẤT, QUY MÔ CÁC LÔ ĐẤT TRONG KHU VỰC QUY HOẠCH; CHỈ TIÊU VỀ MẬT ĐỘ XÂY DỰNG, HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHIỀU CAO TỐI ĐA, TỐI THIỂU, CỐT XÂY DỰNG ĐỐI VỚI TỪNG LÔ ĐẤT

**Bảng thống kê sử dụng đất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại đất** | **Ký hiệu** | **Diện tích (Ha)** | **Tỷ lệ**  **%** |
| **I** | **Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng, logistsic)** | | **128,76** | **65,69** |
| 1 | Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng lô A | A | 17,42 |  |
| 2 | Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng lô B | B | 11,17 |  |
| 3 | Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng lô C | C | 57,98 |  |
| 4 | Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng lô D | D | 38,09 |  |
| 5 | Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng lô E | E | 4,10 |  |
| **II** | **Đất hành chính dịch vụ (cơ quan, trụ sở, dịch vụ)** | | **16,20** | **8,27** |
| 1 | Đất phụ trợ, dịch vụ |  | 8,45 |  |
| 1.1 | Đất phụ trợ, dịch vụ 1 | PT-DV1 | 6,45 |  |
| 1.2 | Đất phụ trợ, dịch vụ 2 | PT-DV2 | 2,00 |  |
| 2 | Đất dịch vụ |  | 7,75 |  |
| 2.1 | Đất dịch vụ 1 | DV1 | 0,97 |  |
| 2.2 | Đất dịch vụ 2 | DV2 | 6,78 |  |
| **III** | **Đất cây xanh, cây xanh cách ly** | | **21,34** | **10,89** |
| 1 | Đất cây xanh tập trung | CX | 1,68 |  |
| 2 | Đất cây xanh cách ly | CL | 19,66 |  |
| **IV** | **Đất các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật** | | **3,49** | **1,78** |
| 1 | Đất khu kỹ thuật cấp điện | TCD | 0,73 |  |
| 2 | Đất khu kỹ thuật cấp nước | TCN | 1,15 |  |
| 3 | Đất khu kỹ thuật XLNT | XLNT | 1,31 |  |
| 4 | Đất bãi tập kết rác | BTR | 0,30 |  |
| **V** | **Đất giao thông, bến bãi** | | **26,21** | **13,37** |
| 1 | Đất giao thông | GT | 21,75 |  |
| 2 | Đất bãi xe + xưởng sửa chữa | BX | 0,87 |  |
| 3 | Đất bến thủy phục vụ khu công nghiệp | BB | 3,59 |  |
|  | **Diện tích đất khu Công nghiệp** | | **196,00** | **100,00** |
| **VI** | **Đất hạ tầng đối ngoại** |  | **0,04** |  |
| **VII** | **Đất giao thông đối ngoại** |  | **0,26** |  |
| 1 | Đường D1 |  | 0,09 |  |
| 2 | Đường D2 |  | 0,05 |  |
| 3 | Bến thủy |  | 0,12 |  |
|  | **Diện tích đất quy hoạch** | | **196,3** |  |

#### 1. Khu đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng, logistsic)

#### Đất xây dựng các xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng, logistics có tổng diện tích 128,76 ha, chiếm tỷ lệ 65,69% diện tích đất khu công nghiệp. Gồm các lô đất sau:

- Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng Lô A: ký hiệu A. Quy mô 17,42 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D3, D5, D6 và khu công viên cây xanh – hành lang an toàn điện đường D1.

- Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng Lô B: ký hiệu B. Quy mô 11,17 ha; có vị trí nằm giáp các tuyến đường D3, D4, D5.

- Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng Lô C: ký hiệu C. Quy mô 57,98 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D1, D5, D6, D2a .

- Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng Lô D: ký hiệu D. Quy mô 38,09 ha; có vị trí nằm giáp các tuyến đường D5, D2 và khu dịch vụ 2.

- Đất xí nghiệp, nhà máy, kho tàng Lô E: ký hiệu E. Quy mô 4,10 ha;có vị trí nằm giáp các tuyến đường D3 và trạm điện.

Chức năng: xây dựng các xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng, logistics.

Các chỉ tiêu kỹ thuật của lô đất được quy định cụ thể như sau:

+ Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng các xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng, logistics tối đa 70%.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa 3,5.

+ Tầng cao xây dựng tối đa 05 tầng.

+ Khoảng lùi công trình là 10 m đối với tất cả các tuyến đường.

+ Chiều cao thông thủy tùy thuộc vào công nghệ và nhu cầu thực tế.

+ Tỷ lệ cây xanh tối thiểu trong từng xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng, logistics đạt tối thiểu 20%.

+ Cao độ nền khống chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: +2,90 m.

#### 2. Đất hành chính dịch vụ (cơ quan, trụ sở, dịch vụ)

- Đất phụ trợ dịch vụ:

+ Đất phụ trợ dịch vụ 1 - ký hiệu PT-DV1. Quy mô 6,45 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D1, D4, D5.

+ Đất phụ trợ dịch vụ 2 - ký hiệu PT-DV2. Quy mô 2,00 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D3, D4, D5.

- Đất dịch vụ:

+ Đất dịch vụ 1- ký hiệu DV1. Quy mô 0,97 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D1, D4 và D5.

+ Đất dịch vụ 2- ký hiệu DV2. Quy mô 6,78 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D4, D2.

- Chức năng bao gồm các công trình chủ yếu như sau:

+ Khu phụ trợ dịch vụ: các công trình Văn phòng Ban quản lý, trung tâm thương mại, bưu điện, ngân hàng, trưng bày- giới thiệu sản phẩm, khu nhà chuyên gia, trung tâm dịch vụ – TDTT, doanh trại đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và công an,..

+ Khu dịch vụ: các công tình khu dịch vụ hậu cần phục vụ khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ,....

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của lô đất được quy định cụ thể như sau:

+ Mật độ xây dựng tối đa là 40%.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa 2,0.

+ Tầng cao tối đa là 05 tầng.

+ Chiều cao thông thủy tùy thuộc vào chức năng và yêu cầu kỹ thuật của từng loại công trình.

+ Khoảng lùi công trình tiếp giáp đường D1, D4 là 6,0m; đường D3, D5 và D2 là 10 m đối với các tuyến đường.

*+* Cao độ nền khống chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: +2,90 m.

#### 3. Đất các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật

-Đất các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có quy mô 3,49 ha, chiếm tỷ lệ 1,78% diện tích đất khu công nghiệp. Gồm các lô đất sau:

- Đất khu kỹ thuật xử lý nước thải, ký hiệu XLNT. Quy mô 1,31 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D2a và dãy cây xanh cách ly giáp đường nông thôn kênh Bao Biển.

- Đất bãi tập kết rác, ký hiệu BTR. Quy mô 0,30 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D2a.

- Đất khu kỹ thuật cấp điện, ký hiệu TCĐ. Quy mô 0,73 ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D3.

- Đất khu kỹ thuật cấp nước, ký hiệu TCN. Quy mô 1,15ha; có vị trí nằm giáp tuyến đường D6 và D2a, cách trạm xử lý nước thải >40m ngăn cách bằng dãy cây xanh cách ly và bãi đỗ xe – xưởng sửa chữa.

Chức năng là khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp.

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của lô đất được quy định cụ thể như sau:

+ Mật độ xây dựng tối đa là 60%.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa 1,2.

+ Tầng cao tối đa là 02 tầng.

+ Chiều cao thông thủy tùy thuộc vào chức năng và yêu cầu kỹ thuật của từng loại công trình.

+ Khoảng lùi công trình tiếp giáp đường D2a, D3 và D6 là 10 m.

+ Cao độ nền khống chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: +2,90 m.

#### 4. Đất giao thông, bến bãi.

***a. Khu bến bãi.***

Khu bãi xe và xưởng sửa chữa tiếp giáp đường D2a, bến thủy nội địa giáp với đường quốc lộ 91B và Sông Hâu có tổng diện tích 4,46 ha, chiếm tỷ lệ 2,27% diện tích đất khu công nghiệp. Gồm các lô đất:

- Khu đất bãi xe và xưởng sửa chữa có diện tích 0,87 ha.

- Bến thủy nội địa có diện tích 3,59 ha.

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của lô đất được quy định cụ thể như sau:

+ Mật độ xây dựng tối đa là 40%.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa 0,4.

+ Tầng cao tối đa là 01 tầng.

+ Khoảng lùi công trình tiếp giáp đường D2a là 10 m.

+ Cao độ nền khống chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: +2,90 m.

#### b. Đất giao thông.

- Đất giao thông có diện tích 21,75 ha, chiếm tỷ lệ 11,10% diện tích đất khu công nghiệp.

***5. Đất cây xanh, cây xanh cách ly***

Khu cây xanh và cây xanh cách ly, diện tích là 21,34 ha chiếm tỷ lệ 10,89% diện tích dự án khu công nghiệp (trong đó diện tích cây xanh cách ly 19,66 ha, diện tích cây xanh tập trung 1,68 ha) được bố trí cập ranh khu công nghiệp, tạo thành một hàng rào cây xanh bao quanh toàn khu công nghiệp giúp giảm thiểu tiếng ồn cũng như khói bụi ảnh hướng đến các hộ dân sinh sống xung quanh khu công nghiệp. Trong khu vực cây xanh cách ly chỉ được xây dựng các công trình đường giao thông, bãi đổ xe, công trình cấp điện, hàng rào, cổng, nhà bảo vệ, trạm bơm nước thải, không được phép xây dựng các công trình dân dụng.

#### 6. Khu vực hành lang bảo vệ giao thông và thủy lợi

Dọc theo các tuyến Quốc lộ 91B, kênh Bà Sẫm và đường nông thôn trong khu vực lập quy hoạch bố trí hành lang bảo vệ được trồng nhiều cây xanh giúp ngăn chặn xói lở, bảo vệ địa hình trong khu vực. Hành lang bảo vệ các nguồn nước tuân thủ theo quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/07/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Theo đó phạm vi bảo vệ đối với sông Hậu và kênh Bà Sẫm là 20m.

**III. CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG, CỐT XÂY DỰNG VÀ CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ VỀ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI TỪNG TUYẾN ĐƯỜNG, KHU VỰC; PHẠM VI BẢO VỆ, HÀNH LANG AN TOÀN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT.**

#### 1. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng

#### Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng được quy định cụ thể theo từng tuyến đường, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên đường** | **Mặt cắt** | **Chiều dài (m)** | **Lộ giới (m)** | **Chiều rộng (m)** | | | | **Khoảng lùi xây dựng (m)** | |
| **Vỉa hè trái** | **Lòng đường** | **Vỉa hè phải** | **Dãy phân cách** | **Bên Trái** | **Bên phải** |
| 1 | Đường D1 | 1-1 | 314 | 32 | 6 | 18 | 6 | 2 | 6 | 6 |
| 2 | Đường D1 | 2-2 | 418,5 | 32 | 6 | 18 | 6 | 2 | 0 | 10 |
| 3 | Đường D2 | 7-7 | 306 | 26 | 5 | 20 | 1 | 0 | 10 | 0 |
| 4 | Đường D2a | 7a-7a | 449 | 21 | 5 | 15 | 1 | 0 | 10 | 0 |
| 5 | Đường D3 | 3-3 | 618,8 | 25 | 5 | 15 | 5 | 0 | 10 | 10 |
| 6 | Đường D4 | 6-6 | 2.126,5 | 21 | 0 | 15 | 6 | 0 | 0 | 6 |
| 7 | Đường D5 | 4-4 | 1.572,2 | 40 | 5 | 18 | 5 | 12 | 10 | 10 |
| 8 | Đường D6 | 5-5 | 1.642,2 | 25 | 5 | 15 | 5 | 0 | 0 | 10 |

#### 2. Cốt xây dựng, chiều cao công trình

Cao độ nền khống chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: +2,90m.

Chiều cao tầng theo đặc thù công trình.

**3. Các công trình ngầm.**

Công trình ngầm bao gồm các khu vực sau:

- Khu vực đường giao thông gồm: Đường ống thoát nước mưa; Đường ống nước bẩn; Đường ống cấp nước; Đường ống cứu hỏa; Đường điện chiếu sáng; Đường cáp thông tin….

- Khu sản xuất công nghiệp, kho bãi (xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng, logistsic): Các công trình được xây dựng ngầm (Các bể nước ngầm chứa nước cấp, tầng hầm để xe, Bể nước ngầm PCCC, hệ thống thoát nước mưa và nước thải, hào kỹ thuật…).

- Khu vực hành chính dịch vụ (cơ quan, trụ sở, dịch vụ): Các công trình được xây dựng ngầm (Các bể nước ngầm chứa nước cấp, tầng hầm để xe, Bể nước ngầm PCCC…).

- Khu vực các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Các công trình được xây dựng ngầm (Các bể nước ngầm chứa nước, các hồ xử lý nước thải, tầng hầm để xe, Bể nước ngầm PCCC, hệ thống thoát nước mưa và nước thải, hào kỹ thuật…).

Các vị trí, quy mô xây dựng các công trình ngầm được xây dựng tuỳ theo nhu cầu sử dụng của các nhà đầu tư nhưng tối đa 40% diện tích khu đất và sẽ được quy định chi tiết trong giai đoạn tiếp theo.

#### 4. Các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường, phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật

- Hạ tầng kỹ thuật ngầm được bố trí dọc trên vỉa hè các tuyến đường giao thông; phù hợp với xu hướng phát triển lâu dài của khu công nghiệp. Khoảng cách đường ống, đường dây ngầm không ảnh hưởng lẫn nhau; an toàn trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm và các công trình trên mặt đất có liên quan; thuận tiện an toàn và đáp các yêu cầu kỹ thuật trong việc đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật với nhau và với các công trình ngầm khác.

- Đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên hoàn, kết nối về không gian thuận tiện, an toàn với giao thông trên mặt đất và với các công trình công cộng ngầm, công trình công cộng trên mặt đất liền kề. Phù hợp với quy hoạch tổ chức không gian và hệ thống dịch vụ công cộng của toàn khu công nghiệp. Đảm bảo kết nối không gian thuận tiện và an toàn với các công trình giao thông ngầm, các công trình công cộng trên mặt đất và các công trình công cộng ngầm liền kề và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm chung của khu vực.

| **Loại đường ống** | **Đường ống cấp nước** | **Cống thoát nước thải** | **Cống thoát nước mưa** | **Cáp điện** | **Cáp thông tin** | **Kênh mương thoát nước, tuy-nen** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoảng cách theo chiều ngang** | | | | | | |
| Đường ống cấp nước | 0,5 | 1,0 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 1,5 |
| Cống thoát nước thải | 1 | 0,4 | 0,4 | 0,5 | 0,5 | 1,0 |
| Cống thoát nước mưa | 0,5 | 0,4 | 0,4 | 0,5 | 0,5 | 1,0 |
| Cáp điện | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,1 | 0,5 | 2,0 |
| Cáp thông tin | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | - | 1,0 |
| Tuynel, hào kỹ thuật | 1,5 | 1,0 | 1,0 | 2,0 | 1 | - |
| **Khoảng cách theo chiều đứng** | | | | | | |
| Đường ống cấp nước | - | 1,0 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |  |
| Cống thoát nước thải | 1,0 | - | 0,4 | 0,5 | 0,5 |  |
| Cống thoát nước mưa | 0,5 | 0,4 | - | 0,5 | 0,5 |  |
| Cáp điện | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,1 | 0,5 |  |
| Cáp thông tin | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | - |  |

## Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

Đối với đường dây sử dụng dây dẫn trần, dây dẫn bọc, hành lang bảo vệ an toàn được quy định như sau

+ Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp;

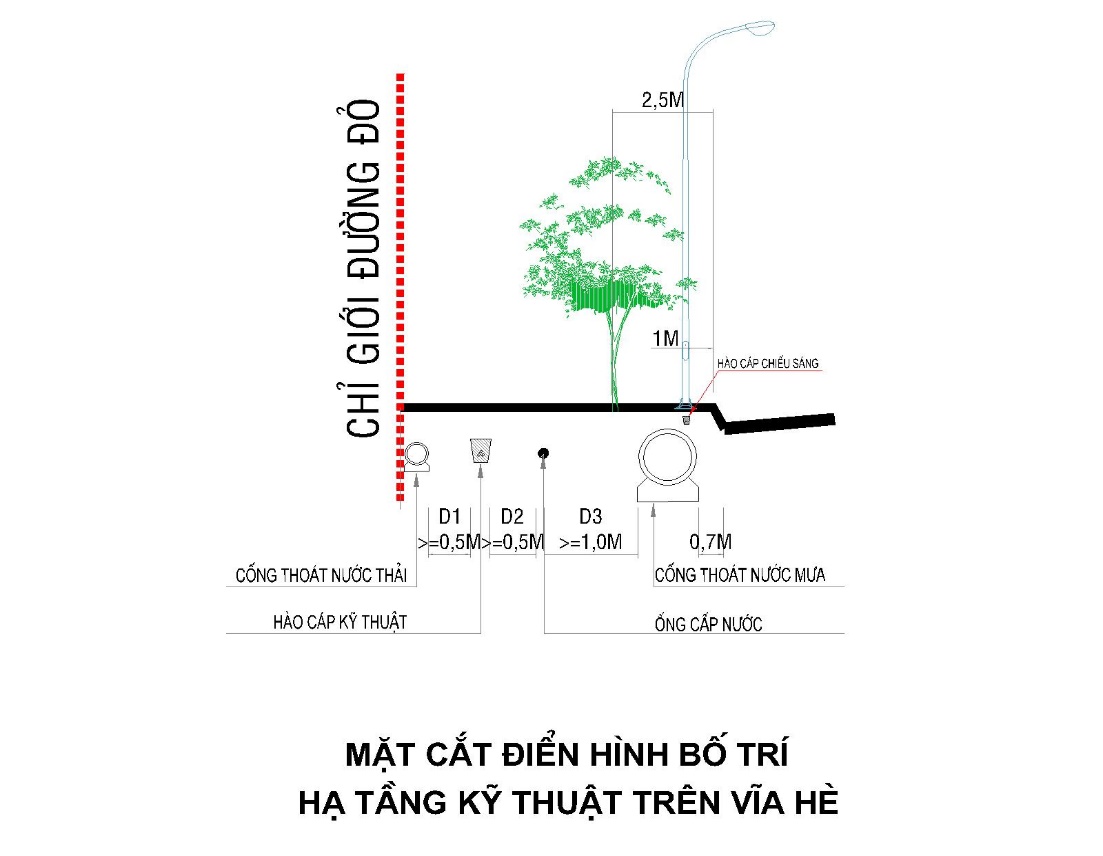
+ Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh theo quy định trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điện áp** | **Đến 22 kV** | | **35 kV** | | **110 kV** | **220 kV** | **500 kV** |
| Dây bọc | Dây trần | Dây bọc | Dây trần | Dây trần | Dây trần | Dây trần |
| **Khoảng cách** | 1,0 m | 2,0 m | 1,5 m | 3,0 m | 4,0 m | 6,0 m | 7,0 m |

+ Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điện áp** | Đến 35 kV | 110 kV | 220 kV | 500 kV |
| **Khoảng cách** | 2,0 m | 3,0 m | 4,0 m | 6,0 m |

Đối với đường cáp điện đi trên mặt đất hoặc trên không, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp được giới hạn về các phía 0,5 m tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng trở ra.



**MẶT BẰNG ĐIỂN HÌNH BỐ TRÍ**

**HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRÊN VĨA HÈ**

### IV. CÁC TRỤC KHÔNG GIAN CHÍNH, CÁC ĐIỂM NHẤN CỦA KHU VỰC

### 1. Trục không gian chính

Trục đường đôi trung tâm D1 đấu nối vào đường Quốc lộ 91B, cần được thiết kế có tính thẩm mỹ cao với hệ thống điện chiếu sáng hiện đại tạo bộ mặt khang trang cho khu công nghiệp. Đây là trục chính phục vụ đưa đón cán bộ công nhân viên, việc tạo trục cây xanh cảnh quan khang trang sẽ có tác dụng tốt đến cảm nhận của khách hàng đến với khu công nghiệp cũng như tâm lý thư giãn cho cán bộ, nhân viên trước và sau giờ làm việc.

#### 2. Các điểm nhấn của khu vực

Khu hành chính phụ trợ, nằm dọc đường D1, đấu nối ra Quốc lộ 91B, khu dịch vụ nằm trên đường D4. Là trung tâm điều hành quản lý, dịch vụ của toàn khu công nghiệp, đây chính là điểm nhấn nổi bật cho toàn bộ khu vực. Với không gian được tạo lập từ các tòa nhà văn phòng, trung tâm thương mại, tài chính có hình thức kiến trúc hiện đại, phù hợp công năng.

V. VỊ TRÍ, QUY MÔ VÀ PHẠM VI BẢO VỆ, HÀNH LANG AN TOÀN ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CÓ CHỨC NĂNG ĐẶC THÙ CẦN BẢO VỆ, CÁCH LY; CÔNG TRÌNH NGẦM.

Trong khu công nghiệp không có công trình có chức năng đặc thù, công trình ngầm nào cần bảo vệ.

### VI. KHU VỰC BẢO TỒN, CẢI TẠO, CHỈNH TRANG DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HOÁ, DANH LAM THẮNG CẢNH, ĐỊA HÌNH CẢNH QUAN

### Trong phạm vi quy hoạch không có các công trình di tích lịch sử, văn hóa cần bảo tồn, cải tạo và chỉnh trang.

### VII. YÊU CẦU, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cây xanh là nguồn cung cấp oxi cho bầu không khí và nó cũng là nguồn hấp thụ khí cacbon, giảm xói mòn đất và hệ sinh thái. Nên trồng nhiều cây xanh xung quanh nhà máy, xí nghiệp để tạo bầu không khí xanh, sạch, đẹp bên trong khu công nghiệp.

Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng năng lượng sạch; tiết kiệm năng lượng điện; hạn chế sử dụng túi ni lông.

Đảm bảo tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 98-99%.

Có các biện pháp giám sát quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nhằm đảm bảo không có doanh nghiệp nào quy phạm quy định về xử lý chất thải rắn cũng như nước thải công nghiệp.